

Câu 33: 这里的东西太_____了，我买不起。

- A. 忙 B. 贵 C. 长 D. 累

Câu 34: 上午八点上课，她七点半_____到教室了。

- A. 挺 B. 才 C. 就 D. 很

Câu 35: 我们不想失去这次去留学的_____。

- A. 时候 B. 地方 C. 机会 D. 情况

Chọn phương án đúng (ứng với A, B, C hoặc D) điền vào chỗ trống trong bài đọc sau, từ câu 36 đến câu 40.

保护地球环境，(36)_____不是一件很难做到的事情。实际上，我们只要注意一下儿身边的小事儿就可以。例如，夏天(37)_____空调的温度开得高一些，出门(38)_____记得关空调和电脑，这样可以节约用电；少开车，多骑车或者坐地铁和公共汽车，这样能降低空气污染；还有养成把垃圾丢(39)_____垃圾桶的习惯什么的。这些是我们每个人都能够做到的小事，但却有实实在在的效果。地球是我们共同的家，(40)_____大家共同努力，减少污染、保护环境，才能使我们的家变得更美丽。

Câu 36: A. 并 B. 再 C. 连 D. 和

Câu 37: A. 给 B. 被 C. 让 D. 把

Câu 38: A. 时间 B. 时候 C. 时 D. 下

Câu 39: A. 进 B. 住 C. 出 D. 上

Câu 40: A. 只有 B. 要是 C. 不管 D. 为了

----- HẾT -----

- Thí sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm, không sử dụng tài liệu.

- Cần bộ coi thi không giải thích gì thêm.